

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2022

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Toan
2. Ông Nguyễn Văn Tuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 751/2021/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh H, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn 7, xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hàn Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn 7, xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Huỳnh H trình bày:*

Ông và bà Hàn Thị H chung sống với nhau từ năm 1970 tại huyện T, tỉnh Bình Định từ năm 1970 cho đến nay và không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở quê. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà H thay đổi tính tình, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng ông không hàn gắn được, đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau,

vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

*Về quan hệ hôn nhân:* Yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hàn Thị H.

*Về con chung:* Ông và bà Hàn Thị H có 04 con chung là cháu Huỳnh Văn Ph1, sinh năm 1974 (đã chết), cháu Huỳnh Thị Ph2, sinh năm 1977, cháu Huỳnh Ngọc Ph3, sinh năm 1980 và cháu Huỳnh Ngọc Ph4, sinh năm 1994. Hiện nay các con của ông đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Hàn Thị H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án thông báo đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên đã không trình bày được quan điểm của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, cho ông Huỳnh H được ly hôn với bà Hàn Thị H; về nuôi con chung: các con đã thành niên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: ông H không yêu cầu nên không giải quyết. Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Huỳnh H yêu cầu ly hôn với bà Hàn Thị H, cư trú tại thôn 7, xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn bà Hàn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1970, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo ông H trình bày sau khi kết hôn thì giữa ông và bà H đã bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đời sống hôn nhân

không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, đã sống ly thân năm 2007 cho đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông bà cư trú thì ông bà có mâu thuẫn hiện đã sống ly thân. Bà H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng bà không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy ông H và bà H đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa ông bà như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Ông H và bà H có 04 con chung là cháu Huỳnh Văn Ph1, sinh năm 1974 (đã chết), cháu Huỳnh Thị Ph2, sinh năm 1977, cháu Huỳnh Ngọc Ph3, sinh năm 1980, cháu Huỳnh Ngọc Ph4, sinh năm 1994. Hiện nay các con của ông bà đã thành niên và tự lập được nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H.

Về hôn nhân: Ông Huỳnh H ly hôn với bà Hàn Thị H.

2. Về án phí: Ông Huỳnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001192 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông Huỳnh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND xã An P, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Thu**